

Số: /BT-PTP

TP. Lào Cai, ngày

tháng 11 năm 2023

BẢN TIN PHÁP LUẬT
(Tuần 47)

Thực hiện Chương trình công tác về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn thành phố Lào Cai. Phòng Tư pháp thành phố Lào Cai tổng hợp một số nội dung các văn bản mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành, cụ thể như sau:

I. Những chính sách mới ban hành

1. Cách thức kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị:

Ngày 10/11/2023, Ban Tổ chức Trung ương ban hành Hướng dẫn 25-HD/BTCTW về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị. Theo đó, hướng dẫn cách thức kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị tại Điều 7 Quy định 124-QĐ/TW ngày 04/10/2023 như sau:

(1) Tại điểm 1.1 và điểm 1.2, khoản 1 về việc chuẩn bị kiểm điểm, thực hiện như sau:

- Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo chuẩn bị báo cáo kiểm điểm của tập thể theo Mẫu 01 và lấy ý kiến đóng góp của tổ chức, cơ quan, đơn vị cùng cấp có liên quan. Dự thảo báo cáo kiểm điểm gửi trước cho các thành viên tham gia hội nghị kiểm điểm ít nhất 03 ngày làm việc.

- Mỗi cá nhân làm một bản tự kiểm điểm theo Mẫu 2A, 2B.

- Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp thành lập đoàn (hoặc tổ) công tác dự, chỉ đạo kiểm điểm ở những nơi có gợi ý kiểm điểm; phân công cấp ủy viên, cán bộ các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy dự, chỉ đạo, tổng hợp kết quả kiểm điểm ở cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý cấp dưới và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thời gian tổ chức kiểm điểm của tập thể, cá nhân ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; đảng đoàn, ban cán sự đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý trực thuộc Trung ương tối thiểu là 02 ngày. Đối với những nơi Bộ Chính trị, Ban Bí thư gợi ý kiểm điểm thì thời gian kiểm điểm tối thiểu là 03 ngày. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương quy định thời gian kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý.

(2) Tại điểm 1.3, khoản 1 về gợi ý kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân, thực hiện như sau:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư gợi ý kiểm điểm đối với cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương và cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý khi cần thiết.

- Ban thường vụ cấp ủy các cấp gợi ý kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân có liên quan theo thẩm quyền (nếu cần).

- Ban tổ chức cấp ủy hoặc cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với ủy ban kiểm tra cùng cấp và các cơ quan có liên

quan tham mưu cấp có thẩm quyền về những tập thể, cá nhân cần gợi ý kiểm điểm và nội dung gợi ý kiểm điểm.

Xem chi tiết tại Hướng dẫn 25-HD/BTCTW có hiệu lực từ ngày 10/11/2023.

2. Chương trình bồi dưỡng viên chức ngành giáo dục nghề nghiệp:

Ngày 31/10/2023, Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư 12/2023/TT-BLĐTBXH quy định chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

- Đối tượng áp dụng chương trình:

Viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là người học).

- Thời gian của chương trình bồi dưỡng:

Tổng thời gian là 06 tuần x 5 ngày/tuần x 8 giờ/ngày = 240 giờ; trong đó: Lý thuyết: 96 giờ; thực hành, bài tập, thảo luận: 132 giờ; kiểm tra: 12 giờ; Một giờ học lý thuyết là 45 phút. Một giờ học thực hành/tích hợp/thảo luận là 60 phút. Một giờ kiểm tra là 60 phút.

- Chương trình bồi dưỡng gồm 11 chuyên đề chia thành 03 phần:

Phần I: Kiến thức chung về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (gồm 03 chuyên đề bắt buộc).

Phần II: Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (gồm 06 chuyên đề bắt buộc và 02 chuyên đề tự chọn).

Phần III: Tìm hiểu thực tế và viết thu hoạch.

Căn cứ vào đối tượng bồi dưỡng, thực tiễn bồi dưỡng và nhu cầu, cơ sở đào tạo, nghiên cứu được giao tổ chức bồi dưỡng lựa chọn các chuyên đề phù hợp và công bố công khai cho người học trước khi thực hiện khóa bồi dưỡng.

Các cơ sở đào tạo, nghiên cứu được giao nhiệm vụ bồi dưỡng có thể lựa chọn hình thức bồi dưỡng phù hợp với bối cảnh: Trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp cả 2 hình thức. Các hình thức bồi dưỡng phải được ghi rõ trong thông báo tuyển sinh và công khai trên website của cơ sở đào tạo, nghiên cứu được giao tổ chức bồi dưỡng.

Xem chi tiết tại Thông tư 12/2023/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 15/12/2023.

3. Yêu cầu về trình độ của Thanh tra viên chính về công tác thanh tra:

Ngày 01/11/2023, Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra, trong đó quy định về trình độ, năng lực của Thanh tra viên chính về công tác thanh tra. Yêu cầu về trình độ của Thanh tra viên chính về công tác thanh tra như sau:

- Trình độ đào tạo: Tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công tác.

- Bồi dưỡng:

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra viên chính.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

+ Về trình độ tin học, ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số, đáp ứng theo tiêu chuẩn chung của các văn bản hiện hành và theo quy định của từng vị trí việc làm.

- Kinh nghiệm (thành tích công tác):

+ Có kinh nghiệm tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng, quản lý “Thanh tra viên được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

+ Có kinh nghiệm tổ chức hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách, các quy định về chức năng, nhiệm vụ; thực hiện đề xuất các biện pháp thanh tra, kiểm tra và đánh giá.

+ Có kiến thức và am hiểu về công tác thanh tra.

+ Có thời gian công tác ở ngạch Thanh tra viên và tương đương tối thiểu từ 09 năm trở lên, trừ trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác và đang giữ ngạch công chức, viên chức, cấp hàm tương đương ngạch Thanh tra viên chính chuyển sang cơ quan thanh tra. Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch Thanh tra viên thì thời gian giữ ngạch Thanh tra viên tối thiểu là 01 năm (đủ 12 tháng).

- Phẩm chất cá nhân:

+ Tuyệt đối trung thành, tin tưởng, nghiêm túc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định và quy chế làm việc của cơ quan.

+ Trách nhiệm cao với công việc, với tập thể.

+ Trung thực, thẳng thắn, kiên định, biết lắng nghe.

+ Điềm tĩnh, cẩn thận.

+ Khả năng đoàn kết nội bộ.

+ Có ý thức bảo mật thông tin cao.

+ Phẩm chất khác.

- Các yêu cầu khác:

+ Có khả năng đề xuất những chủ trương, giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

+ Có khả năng tổ chức triển khai nghiên cứu, thực hiện các đề tài, đề án thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan, đơn vị.

+ Có khả năng chịu áp lực công việc lớn và có sức khỏe tốt.

Xem chi tiết tại Thông tư 01/2023/TT-TTCP có hiệu lực từ ngày 18/12/2023.

4. Thời giờ làm việc của người lao động tại các công trình dầu khí trên biển:

Ngày 08/11/2023, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư 20/2023/TT-BCT quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí trên biển. Theo đó, thời giờ làm việc của người lao động làm các công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí trên biển được chia thành 02 nhóm đối tượng sau:

(1) Thời giờ làm việc đối với người lao động làm việc thường xuyên

Người lao động làm việc thường xuyên tại các công trình dầu khí trên biển theo phiên và theo ca làm việc, cụ thể như sau:

- Ca làm việc không quá 12 giờ trong 01 ngày;

(Hiện nay quy định: Ca làm việc tối đa 12 giờ)

- Phiên làm việc tối đa là 28 ngày.

(2) Thời giờ làm việc đối với người lao động làm việc không thường xuyên

- Thời giờ làm việc tiêu chuẩn đối với người lao động làm việc không thường xuyên cụ thể:

+ Tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn trong 1 năm của người lao động làm việc không thường xuyên được tính như sau:

$$SGLVN = [(SNN - SNHN) \times 12 \text{ giờ}] / 2$$

Trong đó:

SGLVN: Số giờ làm việc chuẩn trong năm.

SNN: Số ngày trong năm.

SNHN: Số ngày nghỉ hàng năm của người lao động theo quy định của Bộ luật lao động.

Trường hợp người lao động chưa làm đủ 12 tháng trong năm, số ngày trong năm (SNN) và số ngày nghỉ hàng năm (SNHN) được tính tỷ lệ theo thời gian làm việc từ thời điểm người lao động bắt đầu làm việc cho người sử dụng lao động trong năm đấy.

- Người lao động làm việc không thường xuyên tại các công trình dầu khí trên biển theo phiên và theo ca làm việc, cụ thể như sau:

+ Ca làm việc không quá 12 giờ trong 01 ngày;

(Hiện nay quy định: Ca làm việc tối đa 12 giờ)

+ Phiên làm việc tối đa là 45 ngày.

- Người sử dụng lao động thỏa thuận bằng văn bản hoặc thống nhất với người lao động về ca làm việc và phiên làm việc trước khi cử người lao động làm việc không thường xuyên trên công trình dầu khí trên biển.

- Trong thời gian không làm việc trên công trình dầu khí trên biển, người lao động làm việc không thường xuyên được bố trí nghỉ bù theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 20/2023/TT-BCT hoặc thực hiện công việc trên đất liền theo quy định pháp luật về lao động.

- Tổng số giờ làm việc bình thường trong năm của người lao động làm việc không thường xuyên không được vượt quá thời giờ làm việc tiêu chuẩn trong 01 năm quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 20/2023/TT-BCT.

Thông tư 20/2023/TT-BCT có hiệu lực từ ngày 25/12/2023 và thay thế Thông tư 24/2015/TT-BCT ngày 31/7/2015.

5. Đề án Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới:

Ngày 10/11/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1334/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới”. Mục tiêu cụ thể của Đề án Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới.

- Tăng cường thống nhất nhận thức người Việt Nam ở nước ngoài là nguồn lực ngày càng quan trọng đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc, từ đó xây dựng các định hướng, chủ trương, biện pháp mang tính tổng thể, cơ bản, lâu dài nhằm thu hút và phát huy tối đa nguồn lực này.

Các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch về thu hút nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài.

Thiết lập cơ chế triển khai, phối hợp đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở và trên phạm vi toàn quốc, trong và ngoài nước.

- Tạo môi trường, cơ chế trong nước để người Việt Nam ở nước ngoài yên tâm gắn bó, phát huy nguồn lực của mình với đất nước.

Xây dựng hành lang pháp lý để người Việt Nam ở nước ngoài cơ bản được hưởng môi trường pháp lý tương đương với người trong nước khi tiến hành các hoạt động đầu tư, kinh doanh, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao, nhân đạo...

- Tạo khuôn khổ, cơ chế bền vững khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài tham gia phát triển đất nước trên các lĩnh vực phù hợp với nguồn lực của cộng đồng.

Duy trì đà tăng trưởng của kiều hối; thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư FDI của người Việt Nam ở nước ngoài; đẩy mạnh phát huy hiệu quả nguồn lực của trí thức người Việt Nam ở nước ngoài; thúc đẩy chuyển giao tri thức và kỹ năng; thu hút và sử dụng hiệu quả lực lượng lao động, du học sinh trở về;

Triển khai hiệu quả các sáng kiến, đóng góp từ thiện, nhân đạo, xã hội của các cá nhân, tổ chức người Việt Nam ở nước ngoài tại Việt Nam; phát huy vai trò cầu nối của người Việt Nam ở nước ngoài trên các lĩnh vực khoa học - công nghệ, kinh tế - thương mại, văn hoá, xã hội...

- Củng cố mạng lưới người Việt Nam ở nước ngoài trên toàn thế giới. Hoàn thành xây dựng Đề án cơ sở dữ liệu về người Việt Nam ở nước ngoài. Phân đầu 100% các địa bàn có đông cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài thành lập được các hội, đoàn.

- Hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài phát triển, có vị thế ở sở tại; tăng cường sự gắn kết, giao lưu trong nước giữa người Việt Nam ở nước ngoài với các tổ chức nhân dân, hội đoàn trong nước.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, công tác lãnh sự, bảo hộ công dân, thông tin, trao đổi với người Việt Nam ở nước ngoài, quản lý lao động, du học sinh Việt Nam ở nước ngoài.

Xem thêm tại Quyết định 1334/QĐ-TTg có hiệu lực kể từ ngày 10/11/2023.

6. Bình ổn thị trường giá cả vào những tháng cuối năm và dịp Tết Nguyên đán 2024:

Ngày 07/11/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết 185/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2023, trong đó đề cập đến việc bình ổn thị trường giá cả vào những tháng cuối năm và dịp Tết Nguyên đán 2024. Theo đó, Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao:

- Bám sát diễn biến cung cầu thị trường, giá cả, chủ động triển khai chương trình bình ổn thị trường, giá cả, nhất là trong những tháng cuối năm 2023 và dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024.

- Thực hiện phương án điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý, các dịch vụ công, nhất là giá điện, giá dịch vụ y tế, giáo dục theo lộ trình, thời điểm, mức độ phù hợp, đúng quy định, sát thực tiễn, bảo đảm vừa thúc đẩy tăng trưởng, sản xuất kinh doanh, vừa kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra.

- Nâng cao hiệu quả quản lý thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm.

Cụ thể, giao Bộ Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương theo dõi, đánh giá nguồn cung, nhu cầu hàng hóa, nhất là các mặt hàng lương thực, thực phẩm, năng lượng và các hàng hóa thiết yếu khác để tập trung điều tiết sản xuất, quản lý thị trường, bảo đảm cân đối cung cầu, ổn định thị trường, giá cả, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng gây tăng giá đột biến trong những tháng cuối năm và Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường trong nước, tăng cường triển khai các chương trình khuyến mại, kích cầu tiêu dùng, hỗ trợ tiêu thụ các mặt hàng sản xuất trong nước trong giai đoạn cao điểm tiêu dùng cuối năm.

Xem chi tiết tại Nghị quyết 185/NQ-CP ngày 07/11/2023.

7. Định mức giáo viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập từ ngày 16/12/2023:

Ngày 30/10/2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập. Định mức giáo viên tại các trường tiểu học công lập:

- Trường tiểu học được bố trí tối đa 1,5 giáo viên/lớp đối với lớp học 2 buổi/ngày, bố trí tối đa 1,2 giáo viên/lớp đối với lớp học 01 buổi/ngày;

- Trường tiểu học sau khi tính số lượng học sinh/lớp theo quy định tại khoản 2 Điều 3 hoặc theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT, nếu còn dư số lượng học sinh thì cứ 12 học sinh đối với trường thuộc vùng 1 hoặc 15 học sinh đối với trường thuộc vùng 2 hoặc 17 học sinh đối với trường thuộc vùng 3 được bố trí thêm 01 giáo viên;

- Ngoài ra, mỗi trường tiểu học được bố trí 01 giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Định mức giáo viên tại các trường trung học cơ sở công lập

- Trường trung học cơ sở được bố trí tối đa 1,9 giáo viên/lớp;

- Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở và trường dành cho người khuyết tật cấp trung học cơ sở được bố trí tối đa 2,20 giáo viên/lớp;

- Trường trung học cơ sở sau khi tính số lượng học sinh/lớp theo quy định tại khoản 2 Điều 3 hoặc theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT, nếu còn dư số lượng học sinh thì cứ 17 học sinh đối với trường thuộc vùng 1 hoặc 20 học sinh đối với trường thuộc vùng 2 hoặc 22 học sinh đối với trường thuộc vùng 3 được bố trí thêm 01 giáo viên;

- Ngoài ra, mỗi trường trung học cơ sở được bố trí 01 giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Định mức giáo viên tại các trường trung học phổ thông công lập

- Trường trung học phổ thông được bố trí tối đa 2,25 giáo viên/lớp;

- Trường phổ thông dân tộc nội trú được bố trí tối đa 2,4 giáo viên/lớp;

- Trường trung học phổ thông chuyên: Lớp chuyên được bố trí tối đa 3,1 giáo viên/lớp;

Trường trung học phổ thông sau khi tính số lượng học sinh/lớp theo quy định tại khoản 2 Điều 3 hoặc theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT, nếu còn dư số học sinh thì cứ 17 học sinh đối với trường

thuộc vùng 1 hoặc 20 học sinh đối với trường thuộc vùng 2 hoặc 22 học sinh đối với trường thuộc vùng 3 được bổ trí thêm 01 giáo viên.

Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT có hiệu lực kể từ ngày 16/12/2023.

8. Định mức số lượng người làm việc vị trí việc làm CDNN chuyên ngành trong trường mầm non công lập:

Ngày 30/10/2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Định mức số lượng người làm việc vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành như sau:

[1] Giáo viên mầm non:

- Đối với nhóm trẻ:

+ Cử 15 trẻ em/nhóm trẻ từ 03 tháng tuổi đến 12 tháng tuổi;

+ 20 trẻ em/nhóm trẻ từ 13 tháng tuổi đến 24 tháng tuổi;

+ 25 trẻ em/nhóm trẻ từ 25 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi được bổ trí tối đa 2,5 giáo viên/nhóm trẻ;

- Đối với lớp mẫu giáo:

+ Cử 25 trẻ em/lớp từ 3 tuổi đến 4 tuổi;

+ 30 trẻ em/lớp từ 4 tuổi đến 5 tuổi;

+ 35 trẻ em/lớp từ 5 tuổi đến 6 tuổi được bổ trí tối đa 2,2 giáo viên/lớp;

- Những cơ sở giáo dục mầm non không đủ số trẻ để bổ trí theo nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT hoặc sau khi bổ trí nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT còn dư số trẻ thì định mức giáo viên mầm non sẽ tính trên số trẻ bình quân theo từng độ tuổi của từng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo như sau: Cứ 06 trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi hoặc 08 trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi hoặc 10 trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi, 11 trẻ từ 3 đến 4 tuổi hoặc 14 trẻ từ 4 đến 5 tuổi hoặc 16 trẻ từ 5 đến 6 tuổi thì được bổ trí thêm 1,0 giáo viên;

- Đối với nhóm trẻ ghép, lớp mẫu giáo ghép theo Điều lệ trường mầm non thì được bổ trí định mức giáo viên theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT.

- Đối với điểm trường chỉ có 01 nhóm trẻ hoặc 01 lớp mẫu giáo không đủ số trẻ để bổ trí theo nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo quy định điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT thì được bổ trí 2,0 giáo viên/nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo.

[2] Vị trí việc làm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật:

- Đối với cơ sở giáo dục mầm non có trẻ khuyết tật học hòa nhập:

+ Cơ sở giáo dục có dưới 20 trẻ khuyết tật học hòa nhập thì được bổ trí 01 người; cơ sở giáo dục có từ 20 trẻ khuyết tật học hòa nhập trở lên thì được bổ trí tối đa 02 người.

+ Khi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập thì số của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tính giảm 05 trẻ.

+ Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không có quá 02 trẻ khuyết tật học hòa nhập;

- Trường hợp không bổ trí được biên chế để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ giáo dục người khuyết tật thì bổ trí hợp đồng lao động hoặc giáo viên kiêm nhiệm.

Xem chi tiết tại Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 16/12/2023 và thay thế Thông tư liên tịch 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015.

9. Thủ tướng yêu cầu đề xuất giải pháp hạn chế tình trạng nợ lương, nợ BHXH, rút BHXH một lần:

Ngày 13/11/2023, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn 8868/VPCP-QHĐP thực hiện Thông báo kết luận của UBTVQH về Báo cáo Công tác dân nguyện của Quốc hội trong tháng 9/2023. Theo đó, nhằm triển khai thực hiện Báo cáo Công tác dân nguyện của Quốc hội trong tháng 9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Công văn 654/BC-UBTVQH15 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo đối với các Bộ thực hiện một số nhiệm vụ, đơn cử như sau:

- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất giải pháp để hạn chế tình trạng nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội, tự ý cắt giảm lao động, người lao động đề nghị giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần, đồng thời có cơ chế, chính sách tạo điều kiện để người lao động đã giải quyết chế độ bảo hiểm một lần quay trở lại đóng bảo hiểm xã hội; nghiên cứu, bổ sung quy định về trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động để hạn chế việc trục lợi hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

- Bộ Tài chính tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Nghị định 93/2021/NĐ-CP của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo để hoạt động từ thiện thực hiện đảm bảo đúng hướng, hiệu lực, hiệu quả.

- Bộ Công an:

+ Chủ trì, phối hợp cùng các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu có giải pháp quyết liệt để khắc phục tình trạng lộ thông tin cá nhân, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm không đúng sự thật; cho vay nặng lãi, đòi nợ kiểu xã hội đen; giả danh cơ quan chức năng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người dân.

+ Chỉ đạo Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các cơ quan có liên quan tích cực đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng bạo hành, bắt cóc trẻ em để tống tiền và kịp thời xử lý, giải quyết vụ việc ngay từ khi phát hiện.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẩn trương triển khai nghiên cứu và trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 06/2019/NĐ-CP quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp đảm bảo đúng tiến độ (tháng 12/2023), phù hợp với thực tiễn và yêu cầu của nhiệm vụ thực thi Công ước CITES; tăng cường công tác phối hợp với Ban thư ký CITES quốc tế và các Bộ, cơ quan liên quan để thực thi nghiêm pháp luật và Công ước CITES mà Việt Nam đã tham gia.

Xem chi tiết tại Công văn 8868/VPCP-QHĐP ngày 13/11/2023.

10. Tăng cường kỷ luật, nâng cao hiệu quả trong sử dụng ngân sách nhà nước:

Ngày 13/11/2023, Bộ Tài chính ban hành Công văn 12374/BTC-KBNN triển khai Nghị quyết 91/2023/QH15 về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021, trong đó yêu cầu tăng cường kỷ luật, nâng cao hiệu quả trong sử dụng ngân sách nhà nước. Theo đó, Bộ Tài chính yêu cầu tăng cường kỷ luật,

kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, sử dụng NSNN với những nội dung sau:

- Thực hiện các biện pháp quyết liệt, đồng bộ để tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, quản lý, sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước đã nêu tại Chỉ thị 22/CT-TTg ngày 23/6/2023, không lặp lại các tồn tại, hạn chế kéo dài nhiều năm.

- Trong năm 2023, tiếp tục thực hiện các quyết nghị chưa hoàn thành tại các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội liên quan đến quyết toán ngân sách nhà nước.

- Rà soát, có giải pháp khắc phục triệt để các sai phạm xảy ra trong quá trình lập, chấp hành dự toán, quyết toán NSNN đã được nêu tại Nghị quyết 91/2023/QH15 của Quốc hội, Báo cáo tiếp thu, giải trình số 497/BC-UBTVQH15, Báo cáo thẩm tra số 1242/BC-UBTCNS15 và Báo cáo kiểm toán số 38/BC-KTNN của Kiểm toán nhà nước (đính kèm).

- Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm người đứng đầu, các tập thể, cá nhân thuộc các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước có vi phạm trong lập, chấp hành dự toán, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tăng cường công tác lập, thẩm định dự toán thu NSNN, ước thực hiện thu NSNN bảo đảm sát đúng và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Tiếp tục chú trọng công tác dự báo, lập dự toán thu tiền sử dụng đất bảo đảm bám sát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng thời kỳ và khả năng thực hiện.

Quản lý, sử dụng chặt chẽ số tăng thu ngân sách nhà nước bảo đảm hiệu quả, không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

- Lập dự toán chi ngân sách nhà nước bảo đảm sát đúng yêu cầu và khả năng thực hiện. Quan tâm, chú trọng công tác chuẩn bị đầu tư, lập, phân bổ, giao dự toán, tổ chức, triển khai thực hiện các dự án đầu tư.

Đẩy nhanh công tác thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán các chương trình, dự án. Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, xác định chính xác số liệu nợ đọng xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo Quốc hội khi đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục kiểm soát bội chi ngân sách nhà nước, nợ công để bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, ổn định kinh tế vĩ mô. Quản lý chặt chẽ việc huy động, sử dụng các khoản vốn vay bù đắp bội chi và trả nợ gốc của ngân sách nhà nước.

- Chuyển nguồn NSNN:

- + Quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn ngân sách nhà nước và xử lý dứt điểm những trường hợp tạm ứng quá thời hạn quy định kéo dài nhiều năm.

- + Trong năm 2023:

- (i) Thu hồi tối đa các khoản tạm ứng từ năm 2021 trở về trước quá thời hạn quy định;

- (ii) Tiếp tục rà soát các khoản chi chuyển nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 sang năm 2022, trong đó làm rõ khoản chi chuyển nguồn hạch toán tại tiểu mục “Kinh phí khác theo quy định của pháp luật” tại các địa phương và kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ dự toán ngân sách trung ương năm 2021 (đợt 2). Hủy bỏ, thu hồi về ngân sách nhà nước các khoản chuyển nguồn không đúng quy định, không có nhu cầu sử dụng hoặc quá thời gian giải ngân theo quy định; thu hồi toàn

bộ các khoản ngân sách trung ương hỗ trợ cho các địa phương năm 2022 và năm 2021 trở về trước quản lý, sử dụng không đúng quy định hoặc hết thời gian giải ngân để cắt giảm bội chi ngân sách trung ương.

+ Không chuyển nguồn sang năm 2023 các khoản ngân sách trung ương hỗ trợ cho các địa phương quản lý, sử dụng không đúng quy định hoặc hết thời gian giải ngân, phải hủy dự toán, thu hồi về ngân sách trung ương.

+ Rà soát, báo cáo chi tiết số chi chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 đảm bảo đúng quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước và của cấp có thẩm quyền cho phép; các khoản tạm ứng theo chế độ quá thời hạn quy định; nguồn cải cách chính sách tiền lương chưa sử dụng của từng Bộ, cơ quan trung ương, địa phương tại ngày 31/12/2022.

Xem chi tiết tại Công văn 12374/BTC-KBNN ban hành ngày 13/11/2023.

11. Tiêu chuẩn chức danh viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập:

Ngày 30/10/2023, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư 21/2023/TT-BGDĐT quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập. Theo đó, viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập cần đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp:

+ Chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành;

+ Có tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc; thương yêu, tôn trọng và đối xử công bằng đối với người khuyết tật; hỗ trợ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khuyết tật;

+ Có tinh thần trách nhiệm hợp tác với đồng nghiệp, gia đình người khuyết tật và các tổ chức, cá nhân khác trong việc hỗ trợ giáo dục người khuyết tật;

+ Thực hiện lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với môi trường giáo dục.

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên một trong các ngành, nghề thuộc lĩnh vực, nhóm ngành, nghề: Đào tạo giáo viên, Tâm lý học, Công tác xã hội, Sức khỏe.

+ Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo quy định.

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Hiểu và biết vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương liên quan đến công tác giáo dục người khuyết tật;

+ Có hiểu biết về đặc điểm, nhu cầu của người khuyết tật; công tác hỗ trợ giáo dục người khuyết tật;

+ Vận dụng được kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản vào công việc hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật;

+ Có khả năng thực hiện hoặc phối hợp thực hiện được nội dung chương trình hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo cấp học;

+ Có kỹ năng hỗ trợ, tư vấn, tham gia, phối hợp với giáo viên, gia đình và cộng đồng trong giáo dục người khuyết tật.

Xem chi tiết tại Thông tư 21/2023/TT-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 16/12/2023 và thay thế Thông tư liên tịch 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22/6/2016.

12. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức, NLD của Kiểm toán Nhà nước:

Đây là nội dung tại Quyết định 1368/QĐ-KTNN ngày 09/11/2023 về Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán Nhà nước. Theo đó, việc đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức và NLD của Kiểm toán Nhà nước phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

(1) Bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác; không nể nang, trù dập, thiên vị, hình thức; bảo đảm đúng thẩm quyền quản lý, đánh giá công chức, viên chức.

(2) Việc đánh giá, xếp loại chất lượng phải căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể; đối với công chức, viên chức lãnh đạo quản lý phải căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý, phụ trách; đối với công chức, viên chức tham gia các đoàn kiểm toán phải căn cứ vào kết quả kiểm toán trong năm và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán các năm trước năm đánh giá được xác định trong năm đánh giá (nếu có).

Việc đánh giá cần làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại, hạn chế về phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, hiệu quả công tác, trình độ và triển vọng phát triển của công chức, viên chức.

Đối với công chức, viên chức tham gia kiểm toán trong năm đánh giá có kết quả kiến nghị kiểm toán phải điều chỉnh thì không xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tùy tính chất mức độ, Thủ trưởng đơn vị xem xét xếp loại chất lượng ở mức phù hợp.

(3) Mức xếp loại của cá nhân giữ chức vụ quản lý không cao hơn mức xếp loại của tổ chức, đơn vị trực tiếp phụ trách.

(4) Công chức, viên chức có thời gian công tác trong năm chưa đủ 06 tháng thì không thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng nhưng vẫn phải kiểm điểm thời gian công tác trong năm, trừ trường hợp nghỉ chế độ thai sản.

Công chức, viên chức nghỉ không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm từ 03 tháng đến dưới 06 tháng thì vẫn thực hiện đánh giá nhưng không xếp loại chất lượng ở mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Công chức, viên chức nghỉ chế độ thai sản theo quy định của pháp luật thì kết quả xếp loại chất lượng trong năm là kết quả xếp loại chất lượng của thời gian làm việc thực tế của năm đó.

(5) Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức được sử dụng làm cơ sở để liên thông trong đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên.

(6) Công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính thì đánh giá, xếp loại chất lượng như sau:

- (6.1) Công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính trong năm đánh giá thì xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ, trừ trường hợp quy định tại (6.2);

- (6.2) Trường hợp hành vi vi phạm chưa có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền nhưng đã được dùng làm căn cứ để đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm đánh giá thì quyết định xử lý kỷ luật

ban hành sau năm đánh giá đối với hành vi vi phạm đó (nếu có) không được tính để đánh giá, xếp loại chất lượng ở năm có quyết định xử lý kỷ luật;

- (6.3) Trường hợp công chức, viên chức là đảng viên, đã bị xử lý kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính về cùng một hành vi vi phạm nhưng quyết định kỷ luật đảng và quyết định kỷ luật hành chính không có hiệu lực trong cùng năm đánh giá thì chỉ tính là căn cứ xếp loại chất lượng ở một năm đánh giá.

(7) Tỷ lệ công chức, viên chức xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong tổng số công chức, viên chức tại đơn vị không quá tỷ lệ đảng viên được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” theo quy định của Đảng.

Trường hợp đơn vị có thành tích xuất sắc, nổi trội, hoàn thành vượt kế hoạch các công việc được giao, hoàn thành tốt các công việc đột xuất, có đề xuất hoặc tổ chức thực hiện đổi mới sáng tạo, tạo sự chuyên biến tích cực, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực thì Tổng Kiểm toán quyết định tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phù hợp với thực tế, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công chức, viên chức.

Quyết định 1368/QĐ-KTNN có hiệu lực từ ngày 09/11/2023 và thay thế Quyết định 1681/QĐ-KTNN ngày 24/11/2020.

13. 13 nội dung phối hợp giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam:

Ngày 10/10/2023, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Nghị quyết liên tịch 01/2023/NQLT-CP-ĐCTUBTUMTTQVN về công tác phối hợp giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Theo đó, việc phối hợp giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam được thể hiện qua các nội dung như sau:

- (1) Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- (2) Công tác dân tộc, tôn giáo
- (3) Công tác tuyên truyền, vận động
- (4) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân
- (5) Xây dựng chính sách, pháp luật
- (6) Công tác bầu cử
- (7) Hoạt động giám sát, phản biện xã hội và kiểm tra, thanh tra
- (8) Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực
- (9) Kiến nghị và giải quyết, trả lời kiến nghị của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- (10) Công tác đối ngoại nhân dân
- (11) Trao đổi thông tin và làm việc liên tịch
- (12) Tham gia các hội nghị, phiên họp
- (13) Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin

Việc phối hợp thực hiện các nội dung nêu trên giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phải đảm bảo các mục đích, nguyên tắc sau đây:

- Nâng cao hiệu quả phối hợp công tác giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên theo quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

- Bảo đảm sự thống nhất, chặt chẽ, thực chất, kịp thời, trọng tâm, trọng điểm, hiệu lực, hiệu quả đối với nội dung phối hợp từng năm, nhiệm kỳ, giai đoạn theo đúng quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Tuân thủ nguyên tắc hoạt động, đồng thời phát huy tối đa vai trò, trách nhiệm của mỗi bên trong việc tham gia xây dựng, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc.

Xem thêm tại Nghị quyết liên tịch 01/2023/NQLT-CP-DCTUBTUMTTQVN có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2023 và thay thế Nghị quyết liên tịch 19/2008/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 22/8/2008.

14. Sửa đổi một số quy định về loại khỏi biên chế, xử lý tài sản nhà nước trong Bộ Quốc phòng:

Ngày 11/11/2023, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư 83/2023/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Theo đó, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 126/2020/TT-BQP về loại khỏi biên chế và xử lý tài sản nhà nước trong Bộ Quốc phòng, đơn cử như sau:

(1) Bổ sung nguyên tắc loại khỏi biên chế và xử lý tài sản sau:

Việc bán tài sản đặc biệt chỉ được thực hiện sau khi loại khỏi biên chế. Không bán tài sản đặc biệt còn nguyên dạng hoặc chưa qua xử lý, chưa làm mất tính năng, tác dụng và khả năng khôi phục thông tin, tài liệu bí mật trong tài sản đặc biệt.

(2) Sửa đổi điều kiện loại khỏi biên chế:

Tài sản chưa hết niên hạn sử dụng nhưng bị xuống cấp, hư hỏng nặng không thể sửa chữa, phục hồi và tăng hạn tiếp tục sử dụng, hoặc sửa chữa không hiệu quả.

Trước đây điều kiện này là: Tài sản hư hỏng nặng không thể sửa chữa, phục hồi và tăng hạn tiếp tục sử dụng, hoặc sửa chữa không hiệu quả.

(3) Bổ sung tài sản thuộc thẩm quyền loại bỏ khỏi biên chế của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Cụ thể là công trình đặc biệt.

Trước đây, tài sản thuộc thẩm quyền loại bỏ khỏi biên chế của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng bao gồm:

+ Trang bị kỹ thuật, thiết bị, vật tư hàng hóa thuộc dự trữ tại ở các kho của Bộ Quốc phòng và kho ngành theo phân cấp quản lý;

+ Nhà cấp I, cấp II;

+ Bể thép có dung tích từ 50m³ trở lên.

(4) Bổ sung phương thức xử lý tài sản sau:

Tài sản đặc biệt chỉ được bán các bộ phận rời, không thể tận dụng, sử dụng cho sửa chữa, bảo đảm kỹ thuật và các vật phẩm thu hồi được sau xử lý theo hình thức đấu giá công khai cho các nhà máy, đơn vị sản xuất công nghiệp quốc phòng trong Quân đội; không bán cho các đơn vị ngoài Quân đội.

(5) Sửa đổi quy định Thành lập Hội đồng đấu giá tài sản, cụ thể:

Chỉ huy cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Hội đồng đấu giá tài sản cấp mình theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Luật Đấu giá tài sản và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Hội đồng

Trước đây quy định: Chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Hội đồng đấu giá tài sản cấp mình và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Hội đồng.

Xem thêm tại Thông tư 83/2023/TT-BQP có hiệu lực ngày 12/11/2023.

15. Phê duyệt Chiến lược phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo:

Ngày 14/11/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1343/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Mục tiêu cụ thể của Chiến lược phòng thủ dân sự đến năm 2025:

- Tập trung nâng cao nhận thức, thống nhất hành động, năng lực và kỹ năng ứng phó, khắc phục hậu quả chiến tranh, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, thảm họa cho các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và toàn dân.

- Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng thủ dân sự và các cơ chế, chính sách về phòng thủ dân sự, đặc biệt trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai và phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức phòng thủ dân sự từ trung ương đến địa phương và các cơ quan, đơn vị, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, tinh, gọn, hiệu quả; xây dựng cơ chế vận hành hoạt động phòng thủ dân sự tương ứng với điều kiện, tình huống cụ thể.

- Tổ chức rà soát quy hoạch, hoàn thiện các phương án, kế hoạch phòng thủ dân sự từ trung ương đến địa phương phù hợp với đặc điểm vùng, miền, lĩnh vực và bảo đảm tính khả thi.

- Hoàn thành các công trình thiết yếu trong kế hoạch xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự thuộc các khu vực rủi ro thiên tai cao.

Nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo

- Kiện toàn, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, điều hành phòng thủ dân sự;

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách về phòng thủ dân sự;

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức cho các lực lượng và nhân dân trong thực hiện phòng thủ dân sự;

- Xây dựng lực lượng chuyên trách đủ sức hoàn thành nhiệm vụ đi đôi với nâng cao năng lực cho lực lượng tại chỗ và xây dựng lực lượng rộng rãi;

- Triển khai Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự gắn kết chặt chẽ với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ Tổ quốc và các chiến lược chuyên ngành liên quan;

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và năng lực ứng phó, khắc phục hậu quả chiến tranh, thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh;

- Đa dạng hóa và ưu tiên các nguồn lực để phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh, thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, giảm thiệt hại và nhanh chóng ổn định tình hình;

- Tăng cường huấn luyện, diễn tập, nâng cao trình độ, khả năng thực hiện nhiệm vụ cho các lực lượng làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự;

- Tăng cường hợp tác quốc tế về phòng thủ dân sự;

- Tiến hành sơ kết, tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận về phòng thủ dân sự.

Xem chi tiết tại Quyết định 1343/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 14/11/2023.

16. Quy trình chỉnh lý tài liệu nền giấy (Hệ số 1):

Ngày 15/11/2023, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư 16/2023/TT-BNV quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật chỉnh lý tài liệu nền giấy. Quy trình chỉnh lý tài liệu nền giấy (Hệ số 1) như sau:

Bước 1. Giao nhận tài liệu và lập biên bản giao nhận tài liệu.

Bước 2. Vận chuyển tài liệu từ kho bảo quản đến địa điểm chỉnh lý (khoảng cách ~100m).

Bước 3. Vệ sinh sơ bộ tài liệu.

Bước 4. Khảo sát và biên soạn các văn bản hướng dẫn chỉnh lý (Báo cáo kết quả khảo sát tài liệu; Kế hoạch chỉnh lý; Lịch sử đơn vị hình thành phong, lịch sử phong; Hướng dẫn phân loại, lập hồ sơ và xác định giá trị tài liệu).

Bước 5. Phân loại tài liệu theo Hướng dẫn phân loại.

Bước 6. Lập hồ sơ hoặc chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo Hướng dẫn lập hồ sơ

* Lập hồ sơ đối với tài liệu rời lẻ

- Tập hợp tài liệu thành hồ sơ;
- Biên soạn tiêu đề hồ sơ;
- Hệ thống hóa tài liệu trong hồ sơ;
- Xác định thời hạn bảo quản cho hồ sơ;
- Viết tiêu đề, lý do loại đối với tài liệu hết giá trị.

* Chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ đối với tài liệu đã được lập hồ sơ sơ bộ

- Kiểm tra hồ sơ đã được lập (nội dung tài liệu, tiêu đề hồ sơ, thời hạn bảo quản, ...);

- Bổ sung tài liệu, chỉnh sửa tiêu đề, xác định thời hạn bảo quản (nếu cần);
- Hệ thống hóa tài liệu trong hồ sơ.

Bước 7. Viết các trường thông tin vào phiếu tin: số hồ sơ (số tạm); tiêu đề hồ sơ; thời gian của tài liệu; thời hạn bảo quản.

Bước 8. Kiểm tra, chỉnh sửa hồ sơ và phiếu tin.

Bước 9. Hệ thống hóa phiếu tin theo phương án phân loại.

Bước 10. Hệ thống hoá hồ sơ theo phiếu tin.

Bước 11. Biên mục hồ sơ

- Đánh số tờ tài liệu đối với hồ sơ có thời hạn bảo quản từ 20 năm trở lên và điền số lượng tờ vào phiếu tin;

- Biên soạn và in mục lục văn bản đối với hồ sơ bảo quản vĩnh viễn;
- Viết/in bìa hồ sơ và chứng từ kết thúc.

Bước 12. Kiểm tra và chỉnh sửa việc biên mục hồ sơ.

Bước 13. Ghi số hồ sơ chính thức vào phiếu tin và lên bìa hồ sơ.

Bước 14. Vệ sinh tài liệu, tháo bỏ ghim, kẹp, làm phẳng và đưa tài liệu vào bìa hồ sơ.

Bước 15. Đưa hồ sơ vào hộp (cặp).

Bước 16. Viết/in và dán nhãn hộp (cặp).

Bước 17. Vận chuyển tài liệu vào kho và xếp lên giá.

Bước 18. Giao, nhận tài liệu sau chỉnh lý và lập biên bản giao, nhận tài liệu.

Bước 19. Lập mục lục hồ sơ

- Viết lời nói đầu;
- Biên soạn, in và đóng quyển mục lục hồ sơ (03 bộ).

Bước 20. Thống kê, bó gói, lập danh mục và viết thuyết minh tài liệu loại

- Sắp xếp, bó gói, thống kê tài liệu loại;

- Viết thuyết minh tài liệu loại.
- Bước 21. Kết thúc chỉnh lý
- Hoàn thành và bàn giao hồ sơ phong;
 - Viết báo cáo tổng kết chỉnh lý.

Thông tư 16/2023/TT-BNV có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024 và thay thế Thông tư 03/2010/TT-BNV ngày 29/4/2010.

17. Các trường hợp bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ:

Ngày 15/11/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 79/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng. Theo đó, quy định các trường hợp bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ gồm:

- Trường hợp 1: Việc sử dụng giống cây trồng nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng.

- Trường hợp 2: Người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng.

- Trường hợp 3: Người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

Khi sử dụng giống cây trồng theo quy định tại trường hợp 1, Bộ NN&PTNT thông báo công khai nhu cầu về giống gồm: tên giống cây trồng, mục đích, lượng giống cần sử dụng, phạm vi, thời gian đáp ứng mục đích chuyển giao và thời hạn nộp hồ sơ đăng ký để tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng giống cây trồng đăng ký.

Khung giá đền bù đối với việc bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện thuê doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện thẩm định giá đối với giống cây trồng bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng theo pháp luật hiện hành. Kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định khung giá đền bù đối với giống cây trồng bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng.

Trong trường hợp không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định giá để xác định khung giá đền bù đối với giống cây trồng bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng.

Xem chi tiết tại Nghị định 79/2023/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 15/11/2023.

18. Thay đổi thời gian điều hành giá xăng dầu:

Ngày 17/11/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 80/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 95/2021/NĐ-CP và Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu. Theo đó, thời gian điều hành giá xăng dầu được thực hiện vào ngày thứ Năm hàng tuần.

- Trường hợp thời gian điều hành giá trùng vào dịp nghỉ Tết Nguyên Đán thì được thực hiện như sau:

+ Nếu ngày thứ Năm trùng vào ngày cuối cùng của năm Âm lịch (29 hoặc 30 Tết Nguyên Đán), việc điều hành giá xăng dầu được thực hiện vào ngày thứ Tư liền kề trước đó.

+ Nếu thứ Năm là ngày mùng 1, mùng 2 hoặc mùng 3 Tết, thời gian điều hành giá xăng dầu được thực hiện vào ngày mùng 4 Tết.

- Trường hợp thời gian điều hành giá trùng với ngày nghỉ lễ theo quy định thì được thực hiện như sau:

+ Nếu ngày thứ Năm trùng với ngày đầu tiên dịp nghỉ lễ, thời gian điều hành giá xăng dầu được thực hiện vào ngày thứ Tư liền kề trước đó.

+ Nếu ngày thứ Năm trùng vào các ngày nghỉ lễ còn lại, thời gian điều hành giá xăng dầu được thực hiện vào ngày làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ lễ.

- Trường hợp giá các mặt hàng xăng dầu có biến động bất thường, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, Bộ Công Thương có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thời gian điều hành giá xăng dầu cho phù hợp.

Trước đây, theo khoản 27 Điều 1 Nghị định 95/2021/NĐ-CP, thời gian điều hành giá xăng dầu vào các ngày mùng 1, ngày 11 và ngày 21 hàng tháng. Đối với các kỳ điều hành trùng vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của nhà nước, thời gian điều hành được lùi sang ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ. Đối với kỳ điều hành trùng vào dịp Tết Nguyên đán, thời gian điều hành được lùi sang kỳ điều hành tiếp theo.

Nghị định 80/2023/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 17/11/2023.

19. Ban hành QCVN về an toàn đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại:

Ngày 15/11/2023, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư 23/2023/TT-BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại. Theo đó kể từ ngày 31/5/2024, các nội dung quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại sẽ thực hiện theo QCVN 20:2023/BTC ban hành kèm theo Thông tư 23/2023/TT-BCT ngày 15/11/2023.

QCVN 20:2023/BTC do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại biên soạn, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định. Quy chuẩn 0:2023/BTC quy định các yêu cầu kỹ thuật an toàn trong thiết kế, chế tạo, lắp đặt, sử dụng, sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm tra, thử nghiệm và kiểm định đối với đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại.

Lưu ý, QCVN 20:2023/BTC - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại không áp dụng đối với:

- Đường ống dẫn khí đốt ngoài khơi.
- Đường ống khí đốt cố định bằng kim loại thuộc các phương tiện vận chuyển khí đốt.
- Đường ống khí đốt cố định bằng kim loại thuộc các thiết bị công nghệ và hệ thống khí phụ trợ, nhiên liệu.
- Đường ống dẫn khí đốt chôn ngầm trong khu đô thị có áp suất vận hành tối đa nhỏ hơn hoặc bằng 0,7 MPa.

Yêu cầu chung về đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại

Theo QCVN 20:2023/BTC, đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại phải đáp ứng các yêu cầu chung sau đây:

- Đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế, chế tạo, lắp đặt, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm tra, thử nghiệm và kiểm định tại Quy chuẩn này và Tiêu chuẩn Việt Nam áp dụng đối với loại đường ống cụ thể.

- Đường ống dẫn khí phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu theo quy định tại Tiêu chuẩn ASME B31.8:2020.

- Tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động vận chuyển khí đốt bằng hệ thống đường ống vận chuyển khí đốt phải thực hiện công tác đánh giá định lượng rủi ro theo quy định.

Việc đánh giá định lượng rủi ro phải được thực hiện từ khâu thiết kế. Khi tiến hành xây dựng, lắp đặt nếu khác với thiết kế đã được đánh giá định lượng rủi ro, phải thực hiện đánh giá định lượng rủi ro bổ sung trước khi vận hành công trình.

Trong giai đoạn vận hành công trình nếu không có hoán cải thì việc đánh giá định lượng rủi ro được tiến hành cập nhật định kỳ 05 năm.

- Hồ sơ kỹ thuật đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại phải được lưu giữ trong suốt quá trình hoạt động của đường ống.

Xem thêm tại Thông tư 23/2023/TT-BCT có hiệu lực từ ngày 31/5/2024 và thay thế Thông tư 31/2016/TT-BCT ngày 15/12/2016.

20. Tổng cục Thuế áp dụng bộ tiêu chí mới phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT:

Ngày 18/9/2023, Tổng cục Thuế ban hành Quyết định 1388/QĐ-TCT áp dụng quản lý rủi ro trong phân loại hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng và lựa chọn người nộp thuế để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế. Theo đó, Quyết định 1388/QĐ-TCT năm 2023 ban hành Bộ Chỉ số tiêu chí phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT và lựa chọn người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế bao gồm 03 nhóm, cụ thể:

- Nhóm I: Nhóm Chỉ số tiêu chí phân loại hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau;

- Nhóm II: Nhóm Chỉ số tiêu chí phân loại hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT theo phương pháp chấm điểm rủi ro;

- Nhóm III: Chỉ số tiêu chí theo yêu cầu quản lý của cơ quan thuế.

Mục đích chính của quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT

- Là cơ sở giúp cơ quan thuế đánh giá, xếp hạng rủi ro đối với người nộp thuế có hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng.

- Kết quả đánh giá, xếp hạng rủi ro đối với người nộp thuế tại điểm 1 là căn cứ để:

- + Quyết định kiểm tra trước hoàn thuế sau đối với hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng của người nộp thuế được xếp hạng rủi ro cao.

- + Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau theo mức độ xếp hạng rủi ro của người nộp thuế.

- Chuẩn hóa nội dung và các bước công việc, tạo sự thống nhất trong công tác lựa chọn người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro để phân loại hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng và xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế.

- Góp phần đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa công tác lựa chọn người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro, kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật thuế và nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.

Xem chi tiết tại Quyết định 1388/QĐ-TCT có hiệu lực từ ngày 18/9/2023.

21. Tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên từ Lào và Campuchia:

Ngày 14/11/2023, Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành Thông tư 21/2023/TT-BCT quy định về việc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên từ Lào và Campuchia.

Tạm ngừng hoạt động kinh doanh tạm nhập từ Lào và Campuchia để tái xuất sang nước thứ ba đối với gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên thuộc nhóm HS 44.03 và 44.07 theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022.

Danh mục gỗ cây dạng thô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc dác gỗ hoặc đẽo vuông thô thuộc nhóm HS 44.03

- Đã xử lý bằng sơn, chất màu, chất creozot hoặc các chất bảo quản khác:

+ Từ cây lá kim (Mã 4403.11)

Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.11.10)

Loại khác (Mã 4403.11.90)

+ Từ cây không thuộc loài lá kim (Mã 4403.12)

Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.12.10)

Loại khác (Mã 4403.12.90)

- Loại khác, từ cây lá kim:

+ Từ cây thông (*Pinus spp.*), có kích thước mặt cắt ngang nhỏ nhất từ 15 cm trở lên (Mã 4403.21)

Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.21.10)

Loại khác (Mã 4403.21.90)

+ Từ cây thông (*Pinus spp.*), loại khác (Mã 4403.22)

Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.22.10)

Loại khác (Mã 4403.22.90)

+ Từ cây linh sam (*Abies spp.*) và vân sam (*Picea spp.*), có kích thước mặt cắt ngang nhỏ nhất từ 15 cm trở lên (Mã 4403.23)

Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.23.10)

Loại khác (Mã 4403.23.90)

+ Từ cây linh sam (*Abies spp.*) và cây vân sam (*Picea spp.*), loại khác (Mã 4403.24)

Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.24.10)

Loại khác (Mã 4403.24.90)

+ Loại khác, có kích thước mặt cắt ngang nhỏ nhất từ 15 cm trở lên (Mã 4403.25)

Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.25.10)

Loại khác (Mã 4403.25.90)

+ Loại khác (Mã 403.26)

- Loại khác, từ gỗ nhiệt đới:
 - + Gỗ Meranti đỏ sẫm, gỗ Meranti đỏ nhạt và gỗ Meranti Bakau (Mã 4403.41)
 - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.41.10)
 - Loại khác (Mã 4403.41.90)
 - + Gỗ Téch (Teak) (Mã 4403.42)
 - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.42.10)
 - Loại khác (Mã 4403.42.90)
 - + Loại khác (Mã 4403.49)
 - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.49.10)
 - Loại khác (Mã 4403.49.90)
- Loại khác:
 - + Gỗ sồi (Quercus spp.) (Mã 4403.91)
 - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.91.10)
 - Loại khác (Mã 4403.91.90)
 - + Từ cây dẻ gai (Fagus spp.), có kích thước mặt cắt ngang nhỏ nhất từ 15 cm trở lên (Mã 4403.93)
 - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.93.10)
 - Loại khác (Mã 4403.93.90)
 - + Từ cây dẻ gai (Fagus spp.), loại khác (Mã 4403.94)
 - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.94.10)
 - Loại khác (Mã 4403.94.90)
 - + Từ cây Bạch dương (Betula spp.), có kích thước mặt cắt ngang nhỏ nhất từ 15 cm trở lên (Mã 4403.95)
 - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.95.10)
 - Loại khác (Mã 4403.95.90)
 - + Từ cây bạch dương (Betula spp.), loại khác (Mã 4403.96)
 - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.96.10)
 - Loại khác (Mã 4403.96.90)
 - + Từ cây dương (poplar and aspen) (Populus spp.) (Mã 4403.97)
 - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.97.10)
 - Loại khác (Mã 4403.97.90)
 - + Từ bạch đàn (Eucalyptus spp.) (Mã 4403.98)
 - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.98.10)
 - Loại khác (Mã 4403.98.90)
 - + Loại khác (Mã 4403.99)
 - Cột sào, khúc gỗ xẻ và gỗ lạng (Mã 4403.99.10)
 - Loại khác (Mã 4403.99.90)

Thông tư 21/2023/TT-BCT có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2027.

II. Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Y tế từ ngày 01/01/2024

Ngày 14/11/2023, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư 20/2023/TT-BYT bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. Theo đó, bãi bỏ toàn bộ 05 văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành sau đây:

(1) Chỉ thị 06/2008/CT-BYT ngày 27/6/2008 về việc tăng cường chất lượng đào tạo nhân lực y tế.

(2) Quyết định 379/2002/QĐ-BYT ngày 08/02/2002 về việc ban hành quy chế về thống kê y tế.

(3) Thông tư 29/2014/TT-BYT ngày 14/8/2014 quy định biểu mẫu và chế độ báo cáo thống kê y tế áp dụng đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.

(4) Thông tư 19/2015/TT-BYT ngày 15/7/2015 quy định về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

(5) Thông tư 30/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 quy định việc nhập khẩu trang thiết bị y tế.

Bãi bỏ một phần 05 văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Y tế

(1) Điều 8, 12, 13, 14, 15, 16 và 17 Thông tư 17/2001/TT-BYT ngày 01/8/2001 hướng dẫn doanh nghiệp nước ngoài đăng ký hoạt động về thuốc và nguyên liệu làm thuốc tại Việt Nam.

(2) Khoản 5 Mục II, Mục III, Mục IV và Mục V Thông tư 10/2003/TT-BYT ngày 16/12/2003 hướng dẫn các Công ty nước ngoài đăng ký hoạt động về vắc xin, sinh phẩm y tế với Việt Nam.

(3) Nội dung liên quan đến nhập khẩu sinh phẩm chẩn đoán in vitro tại Thông tư 47/2010/TT-BYT ngày 29/12/2010 hướng dẫn hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu thuốc và bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc.

(4) Khoản 4 Điều 1 Thông tư 47/2011/TT-BYT ngày 21/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 17/2001/TT-BYT ngày 01/8/2001 hướng dẫn doanh nghiệp nước ngoài đăng ký hoạt động về thuốc và nguyên liệu làm thuốc tại Việt Nam và Thông tư 10/2003/TT-BYT ngày 16/12/2003 hướng dẫn các Công ty nước ngoài đăng ký hoạt động về vắc xin, sinh phẩm y tế với Việt Nam.

(5) Điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư 29/2015/TT-BYT ngày 12/10/2015 quy định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận là Lương y.

Thông tư 20/2023/TT-BYT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024.

Trên đây là một số quy định mới được các cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Phòng Tư pháp thành phố đề nghị các cơ quan, đơn vị thành phố, UBND các xã, phường quan tâm phối hợp tuyên truyền, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Thành viên HĐPHPBGPL tp;
- Công Thông tin điện tử tp;
- Trung tâm VH-TT-TT tp;
- Phòng Văn hóa và Thông tin tp;
- UBND các xã, phường;
- Các trường THPT trên địa bàn tp;
- Trường THPT Chuyên Lào Cai;
- Trường THPT Dân tộc nội trú Lào Cai;
- Lưu: VT.(Hung)

TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Văn Phiên